TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
Ông Nguyễn Lâm Giang
Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1974 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn C ,xã Ng, huyện T, tỉnh B.
2. Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc Q, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Phạm Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Q kết hôn tháng 1 năm 1995, có được đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, bà về làm dâu nhà ông Q, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 2 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông Q có người phụ nữ khác nên không quan tâm gì đến gia đình. Vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Tháng 11 năm 2020 bà và con trai đã thuê nhà ở phố Ng ra ở riêng.Từ khi bà và con trai thuê nhà ở riêng, ông Q có gọi điện cho bà để vợ chồng về đoàn tụ nhưng bà không đồng ý. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 19/02/1996 và Đỗ Tuấn A, sinh ngày 11/9/2005, hiện cháu L đã trưởng thành bà

không yêu cầu giải quyết. Vợ chồng ly hôn, bà xin nuôi cháu A không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà bà H có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Q.

Về con chung bà xin nuôi cháu A không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Đỗ Ngọc Q, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Q nhưng ông Q không đến Tòa án làm việc, hòa giải nên không thu thập được lời khai của ông Q.Tại phiên toà: ông Q vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn ông Đỗ Ngọc Q.

Về con chung: giao cho bà H nuôi dưỡng con chung là Đỗ Tuấn A, sinh ngày 11/9/2005, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H.

Về án phí: bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với ông Q có nơi cư trú tại thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa ông Q vắng mặt nhưng ông Q đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Q là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông Q kết hôn tháng 01 năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọ, huyện T nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà H cho rằng ông Q có người phụ nữ khác nên không quan tâm gì đến gia đình, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông Q và yêu cầu ly hôn với ông Q. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Q đã trầm trọng, đời sống chung thực tế

không còn tồn tại từ tháng 11 năm 2020, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho bà H được ly hôn ông Q là phù hợp.

[3] Về con chung: ông bà có 02 con chung là Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 19/02/1996 và Đỗ Tuấn A, sinh ngày 11/9/2005. Vợ chồng ly hôn, bà xin nuôi cháu A không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà. Hiện nay bà là giáo viên của Trường Tiểu học Ng thu nhập là 11.000.000 đồng/ tháng, bà H đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu A phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương đều xác nhận hiện nay cháu A ở với bà H. Bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy: bà H và ông Q có hai con chung là Đỗ Thị Thùy L đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đỗ Tuấn A, sinh ngày 11/9/2005 chưa thành niên, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu A. Bà H có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung. Tại bản tự khai cháu A có nguyện vọng được ở với bà H, để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống và học tập, chăm sóc cháu A nên cần giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng cháu A là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do bà H tự nguyện không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H.

Sau khi ly hôn ông Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở ông Q thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, khoản 3 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: bà H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Thu H được ly hôn ông Đỗ Ngọc Q.

2.Về con chung: giao cho bà Phạm Thị Thu H nuôi dưỡng con chung là Đỗ Tuấn A, sinh ngày 11/9/2005. Ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H.

Sau khi ly hôn ông Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Q thực hiện quyền này.

3. Về án phí: bà Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000167 ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận bà Phạm Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Oanh